

Số: **398H** /TCT-CS
V/v trả lời chính sách thuế TNDN

Hà Nội, ngày **04** tháng **11** năm **2011**.

Kính gửi: Cục thuế tỉnh Hải Dương

Trả lời công văn số 2614/CT-TTr1 ngày 28/7/2011 và công văn số 1904/CT-TTr1 ngày 13/6/2011 của Cục thuế tỉnh Hải Dương đề nghị hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với trường hợp của Công ty cổ phần Đại An. Sau khi báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

- Tại Điều 29, Nghị định 30/1998/NĐ-CP ngày 13/5/1998 của Chính phủ quy định:

“Cơ sở sản xuất trong nước đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm của năm đầu và giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp 2 năm tiếp theo do đầu tư mới mang lại”.

- Tại Khoản 1, Điều 23, Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10 quy định:

“Nhà đầu tư có dự án đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu quy định tại Danh mục A ban hành kèm theo Nghị định này được hưởng ưu đãi về miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư này mang lại quy định như sau :

1. Được miễn một năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong bốn năm tiếp theo”.

- Tại Khoản 1, Điều 20, Nghị định 51/1999/NĐ-CP nêu trên quy định ưu đãi về thuế suất thuế TNDN như sau:

“Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc Danh mục A hoặc dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn quy định tại Danh mục B hoặc C được hưởng ưu đãi về thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp như sau :

1. Thuế suất 25% đối với dự án đầu tư thuộc Danh mục A

- Tại Điều 3, Quyết định số 739/QĐ-UB ngày 24/3/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương có nêu: *“Công ty cổ phần Đại An được hưởng các ưu đãi khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) ngày 20/5/1998 ... , ban hành kèm theo Quyết định số 3149/2002/QĐ-UB ngày 17/7/2002”.*

- Mục IV phần Đ Thông tư số 18/2002/TT-BTC ngày 20/2/2002 về thuế TNDN quy định: Nguyên tắc xét miễn, giảm thuế:

“Đối với những cơ sở kinh doanh cùng một lúc được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo các Luật khác nhau như vừa thuộc diện được ưu đãi về thuế theo quy định Luật khuyến khích đầu tư trong nước, vừa thuộc diện miễn giảm thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp... thì chỉ được xét hưởng ưu đãi theo một trong các Luật nêu trên. Cơ sở kinh doanh được quyền lựa chọn hưởng ưu đãi theo một trong các Luật mà cơ sở kinh doanh chịu sự điều chỉnh”.

- Tại Điểm 8, Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/9/2004 của Bộ Tài chính quy định:

“Các cơ sở kinh doanh trong nước đã thành lập trước đây có điều kiện ưu đãi đầu tư theo các văn bản quy phạm pháp luật trước đây, nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư thì được hưởng ưu đãi về thuế theo các điều kiện ưu đãi đầu tư trước đây cho khoảng thời gian ưu đãi còn lại tính từ ngày 01/01/2004”.

- Tại Điểm 1.2, Mục IV, Phần E, Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính quy định:

“Trong cùng một thời gian, nếu có một khoản thu nhập được miễn thuế, giảm thuế theo nhiều trường hợp khác nhau thì cơ sở kinh doanh tự lựa chọn một trong những trường hợp miễn thuế, giảm thuế có lợi nhất và thông báo cho cơ quan thuế biết”.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty cổ phần Đại An là doanh nghiệp trong nước được thành lập ngày 12/12/2001 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103000687, do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 24/3/2003, Công ty được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt dự án “đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Đại An” theo Quyết định số 739/QĐ-UB. Tại điều 3 của quyết định có nêu: “Công ty cổ phần Đại An được hưởng các ưu đãi khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) ngày 20/5/1998 ...”. Do vậy Công ty sẽ được hưởng ưu đãi đầu tư mở rộng đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Đại An mang lại.

Dự án đầu tư của Công ty đáp ứng điều kiện quy định tại Danh mục A ban hành kèm theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP do đó được miễn một năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong bốn năm tiếp theo, áp dụng thuế suất thuế TNDN 25% cho khoảng thời gian ưu đãi còn lại tính từ ngày 01/01/2004.

2. Về thuế TNDN đối với hoạt động cho thuê lại đất Khu công nghiệp:

Tại Điểm 3.h, Mục II, Phần B, Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính:

“Trường hợp cơ sở kinh doanh đang trong thời gian ưu đãi thuế lựa chọn phương pháp xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ số tiền thuê bên thuê trả trước cho nhiều năm thì việc xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp từng năm miễn thuế, giảm thuế căn cứ vào tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp của số năm trả tiền trước chia (:) cho số năm bên thuê trả tiền trước”.

Căn cứ quy định trên, trường hợp trong các năm 2007, năm 2008 Công ty đã thực hiện hạch toán ghi nhận doanh thu 1 lần đối với toàn bộ số tiền thuê bên thuê

trả 1 lần cho toàn bộ số năm thuê nếu Công ty đang trong thời gian ưu đãi thuế TNDN thì việc xác định số thuế TNDN từng năm miễn thuế, giảm thuế căn cứ vào tổng số thuế TNDN của năm trả tiền trước chia cho số năm bên thuê trả tiền trước.

3. Về thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh bất động sản:

Tại điểm 1.1.a, Mục II, Phần G, Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính quy định:

“Trường hợp doanh nghiệp có thu tiền của khách hàng mà chưa xác định được chi phí tương ứng với doanh thu thì doanh nghiệp kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên doanh thu thu được tiền và doanh thu này chưa phải tính vào doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm”.

Căn cứ theo quy định trên, trường hợp Công ty có thu tiền của khách hàng mà chưa xác định được chi phí tương ứng với doanh thu thì công ty kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên doanh thu thu được tiền và doanh thu này chưa phải tính vào doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm.

Đề nghị Cục thuế tỉnh Hải Dương căn cứ các quy định nêu trên và thực tế đối với trường hợp của Công ty cổ phần Đại An để xác định cho phù hợp. 3

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Pháp chế - BTC;
- Vụ CST - BTC;
- Vụ PC - TCT;
- Lưu: VT; CS (2b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn